

Bản án số: 228/2022/DS-PT

Ngày: 18 - 4 - 2022

V/v: Tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huyền Vân

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2016/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2016 về việc: “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1397/2015/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 419/2022/QĐPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: 3/15 Lò S, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 570/22 T, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn V thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

*Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Hữu Ng, sinh năm 1955 (có mặt)

2. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Người đại diện của ông N: Bà Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh năm 1994 (có mặt)

3. Ông Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 498 H, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Châu: Bà Ngô Nguyễn Hồng H (có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Hồng Á, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: 3/15 Lò S, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1930 (vắng mặt)

2. Ông Trương Ngọc S, sinh năm 1952 (vắng mặt)

3. Bà Trương Thị Hiếu N, sinh năm 1956 (vắng mặt)

4. Bà Trương Thị L, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 3808 Westgate PL San Diego CA 92105 USA

5. Ông Trương Kim Tr, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: 3778 Marlborough Ave Apt San Diego CA 92105 USA

6. Ông Trương Văn Kh, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: 12C4 Moko, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

7. Bà Trương Thị Ánh H, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: 6/2 L, khu III, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

8. Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt)

9. Ông Trương Văn Th, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 31 L, khu III, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông Đ, ông Th: Ông Trương Văn Kh

10. Bà Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh năm 1994 (vắng mặt)

11. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1946 (vắng mặt)

12. Bà Lưu Bích N (có mặt)

Cùng địa chỉ: 498 H, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Ngô Thanh Ph, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: 3/15 Lò S, Phường 16. Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K trình bày:*

Ông là con của ông Nguyễn Văn S (chết năm 1999) và là cháu nội của ông Trương Ph (chết năm 1932) và bà Nguyễn Thị B (chết năm 1979). Ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B có 04 người con chung gồm: cha của ông là ông Nguyễn

Văn S, ông Trương Văn T, ông Trương Văn S, bà Trương Kim H. Ngoài những người kể trên, ông bà nội của ông không còn người con nào khác. Khi còn sống, ông bà nội của ông tạo lập được căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh hiện do ba người anh ruột của ông đang quản lý, sử dụng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản do ông bà nội để lại là giá trị quyền sử dụng đất tại số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu được nhận giá trị đối với phần thừa kế mà lẽ ra cha của ông được hưởng nếu còn sống. Ông đề nghị bán nhà chia giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu tính công sức và chi phí mai táng, không yêu cầu định giá lại.

*Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng trình bày:*

Ông là con của ông Nguyễn Văn S (chết năm 1999) và bà Nguyễn Thị S (chết năm 1970). Cha mẹ ông có 05 người con chung gồm: ông là Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á, ông Nguyễn Tuấn K. Căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông nội Trương Ph và bà nội Nguyễn Thị B tạo lập năm 1913. Sau khi ông bà nội mất, gia đình ông tiếp tục sinh sống tại nhà cho đến nay. Khi cha của ông còn sống, ông Nguyễn Tuấn K yêu cầu cha bán nhà chia tiền, và cha của ông đã nhiều lần đưa tiền cho ông Kiệt nên xem như ông Kiệt đã nhận phần của mình. Điều này thể hiện qua bản cam kết ngày 14/7/1990 và ngày 29/4/1995, ông Kiệt thừa nhận như là đã bán nhà chia tiền. Do đó, ông không đồng ý với khởi kiện của ông Kiệt.

Căn nhà này từ lúc ông bà nội còn sống cho đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, không coi nói hoặc sửa chữa gì thêm. Ông không yêu cầu tính công sức và chi phí mai táng, không yêu cầu định giá lại.

*Đồng bị đơn ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch có cùng ý kiến và yêu cầu như ông Nguyễn Hữu Ng*

*Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Á có cùng ý kiến và yêu cầu như ông Nguyễn Tuấn K.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Ngọc S, bà Trương Thị Hiếu N, bà Trương Thị L, ông Trương Kim Tr trình bày:*

Ông, bà là con của ông Trương Văn T (chết năm 1983) và bà Nguyễn Thị N. Ông, bà thống nhất với hàng thừa kế của ông bà nội và di sản thừa kế là căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đúng như ông Nguyễn Tuấn K trình bày. Ông, bà đồng ý chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu được nhận giá trị đối với phần thừa kế mà lẽ ra ông Trương Văn T được hưởng nếu còn sống.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Kh, bà Trương Thị Ánh H, ông Trương Văn Đ, ông Trương Văn Th trình bày:*

Ông, bà là con của ông Trương Văn T (chết năm 1983) và bà Nguyễn Thị Rót (chết năm 2014). Ông, bà thống nhất với hàng thừa kế của ông bà nội và di

sản thừa kế là căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đúng như ông Nguyễn Tuấn K trình bày. Ông, bà đồng ý chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu được nhận giá trị đối với phần thừa kế mà lẽ ra ông Trương Văn T được hưởng nếu còn sống.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1397/2015/DS-ST ngày 22/12/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:**

*Áp dụng Khoản 5 Điều 25, Khoản 3 Điều 33, 37, 128, 131, điểm b Khoản 2 Điều 199, Khoản 1 Điều 202, 245 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Áp dụng Khoản 2 Điều 305, Điều 645, 640, 676, 677, 638, 683 Bộ luật dân sự;*

*Áp dụng Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 và Nghị quyết số 1037/2006/NQUBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;*

*Áp dụng Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn K*

*Xác định căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B và phân chia giá trị quyền sử dụng đất là di sản của ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B như sau:*

*- Ông Nguyễn Văn S (chết năm 1999, có vợ là bà Nguyễn Thị S chết năm 1970 và 05 người con là ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á, ông Nguyễn Tuấn K) nhận 10.558.166.666đồng. Trong đó, phần của ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á, ông Nguyễn Tuấn K mỗi người được nhận 2.111.333.333đồng cộng với số tiền được thừa kế từ bà Trương Kim H là 187.423.077đồng tổng cộng là 2.299.056.410 đồng tương đương 11,79% giá trị quyền sử dụng đất;*

*- Ông Trương Văn T (chết năm 1983, có vợ là bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Rót (chết năm 2014) và 08 người con là ông Trương Ngọc S, bà Trương Thị Hiếu N, bà Trương Thị L, ông Trương Kim Tr, ông Trương Văn Kh, bà Trương Thị Ánh H, ông Trương Văn Đ, ông Trương Văn Th) nhận 7.996.717.949 tương đương 41,02% giá trị quyền sử dụng đất.*

*Ghi nhận các thừa kế đồng ý cho ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch thanh toán tiền trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu quá thời hạn nêu trên mà ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch không thực hiện nghĩa vụ thì các thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án đấu giá căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để chia giá trị quyền sử dụng đất. Sau khi trừ 90.990.900đồng giá trị nhà cho ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch và các chi phí liên quan đến việc đấu giá*

*nhà (hoặc bán nhà), giá trị thực mãi còn lại được chia cho các thừa kế theo tỷ lệ nêu trên.*

*Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế không yêu cầu chia giá trị nhà.*

*Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp.*

*Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí đo vẽ, định giá và đã thực hiện xong.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử ngày 31/12/2015 bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông cho rằng ông không có ông nội nào là ông Trương Ph, đây là di sản của bà nội ông là bà Nguyễn Thị B.

Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Á, đại diện của ông Nguyễn Hữu N, Nguyễn Hữu Ch, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Kh, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do đây là di sản của ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B.

*Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Hữu Ng không đưa ra căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản do ông Trương Ph (chết năm 1932) và bà Nguyễn Thị B (chết năm 1979) để lại không có di chúc. Ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B có 04 người con chung gồm:

- Ông Nguyễn Văn S, chết năm 1999, có vợ là bà Nguyễn Thị S chết năm 1970 và 05 người con là ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á, ông Nguyễn Tuấn K;

- Ông Trương Văn T, chết năm 1983, có vợ là bà Nguyễn Thị N và bốn người con là ông Trương Ngọc S, bà Trương Thị Hiếu N, bà Trương Thị L, ông Trương Kim Tr. Ngoài ra, ông Trương Văn T còn chung sống với bà Nguyễn Thị Rót (chết năm 2014) có bốn con chung là ông Trương Văn Kh, bà Trương Thị Ánh H, ông Trương Văn Đ, ông Trương Văn Th;

- Ông Trương Văn S, chết năm 1972, không có vợ con

- Bà Trương Kim H, chết năm 2014, không có chồng con.

Ngoài những người kể trên, ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B không còn vợ hoặc chồng hoặc con riêng nào khác.

#### [2.2] Về thời hiệu thừa kế:

Ông Trương Ph chết năm 1932 và bà Nguyễn Thị B chết năm 1979, đây là trường hợp thừa kế mở trước ngày 01/7/1991 mà có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia. Căn cứ Pháp lệnh thừa kế năm 1980, Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 24/8/1998 và Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xác định thời hiệu khởi kiện chia thừa kế còn.

#### [2.3] Về hàng thừa kế:

Căn cứ Điều 676, 677 Bộ luật Dân sự, xác định các thừa kế của bà Nguyễn Thị B (chết năm 1979) và ông Trương Ph (chết năm 1932) là 04 người con chung gồm ông Trương Văn S chết năm 1972 không có vợ con, bà Trương Kim H chết năm 2014 không có chồng con, ông Nguyễn Văn S chết 1999 có vợ con, ông Trương Văn T chết năm 1983 có vợ con.

#### [2.4] Về di sản thừa kế:

Căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế.

Theo Biên bản định giá ngày 23/9/2011, giá trị quyền sử dụng đất là 19.492.000.000 đồng, giá trị nhà là 90.990.900 đồng. Do nguyên đơn tự nguyện không tranh chấp giá trị nhà nên di sản chỉ còn giá trị quyền sử dụng đất là 19.492.000.000 đồng. Vậy phần ông Trương Ph là 9.746.000.000 đồng, phần bà B là 9.746.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc định giá đến nay đã qua hơn 10 năm, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thỏa thuận chia kỷ phần đến khi Thi hành án sẽ định giá thực tế để chia.

Xác định  $\frac{1}{2}$  nhà đất tại số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản do ông Trương Ph để lại là 12/24, được chia thành 04 phần bằng nhau cho 04 người thừa kế: Bà Nguyễn Thị B; Ông Trương Văn S (chết năm 1999, có vợ là bà Nguyễn Thị S, các con là Nguyễn Hữu Ng, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Hữu Ch, Nguyễn Thị Hồng Á, Nguyễn Tuấn K); Ông Trương Văn T (chết năm 1983, có vợ là bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Rót (chết năm 2014) và 08 người con là Trương Ngọc S, Trương Thị Hiếu N, Trương Thị L,

Trương Kim Tr, Trương Văn Kh, Trương Thị Ánh H, Trương Văn Đ, Trương Văn Th); Bà Trương Kim H, mỗi thừa kế được nhận 3/24 kỷ phần.

Đối với bà B, ngoài 12/24 sở hữu riêng, bà còn được nhận 3/24 kỷ phần từ việc chia di sản của ông Trương Ph nên phần bà B sẽ bằng 15/24 kỷ phần được chia thành 3 phần bằng nhau cho 3 người thừa kế gồm ông Trương Văn S (chết năm 1999, có vợ là bà Nguyễn Thị S, các con là Nguyễn Hữu Ng, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Hữu Ch, Nguyễn Thị Hồng Á, Nguyễn Tuấn K); Ông Trương Văn T (chết năm 1983, có vợ là bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Rớt (chết năm 2014) và 08 người con là Trương Ngọc S, Trương Thị Hiếu N, Trương Thị L, Trương Kim Tr, Trương Văn Kh, Trương Thị Ánh H, Trương Văn Đ, Trương Văn Th); Bà Trương Kim H, mỗi người được nhận 5/24.

Đối với phần của ông Trương Văn T, tại Giấy ưng thuận ngày 30/9/1994, ba người con của ông Tư là ông Trương Ngọc S, ông Trương Kim Tr, bà Trương Thị Hiếu N ưng thuận cho ông Nguyễn Văn S thừa hưởng phần nhà ông Tư thừa kế từ bà B. Hội đồng xét xử nhận thấy ngoài những người kể trên, ông Tư còn có vợ là bà Nguyễn Thị N và 05 người con khác không ký tên vào giấy ưng thuận nên việc ông Trương Ngọc S, ông Trương Kim Tr, bà Trương Thị Hiếu N toàn quyền định đoạt phần di sản của ông Tư thay cho người khác là không phù hợp, không có giá trị công nhận.

Đối với phần của bà Trương Kim H, tại Giấy ưng thuận ngày 20/06/1994, bà ưng thuận cho ông Nguyễn Văn S thừa hưởng phần nhà do mẹ Nguyễn Thị B để lại, do vậy phần của bà H thừa kế từ bà B là 5/24 chuyển sang cho ông Nguyễn Văn S. Riêng phần thừa kế bà H nhận được từ ông Trương Ph là 3/24, do bà không có chồng con, các anh đã chết nên căn cứ vào điểm c Khoản 1 và Khoản 2, 3 Điều 676 Bộ Luật dân sự thì hàng thừa kế của bà H gồm 13 người: ông Nguyễn Tuấn K, ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á, ông Trương Ngọc S, bà Trương Thị Hiếu N, bà Trương Thị L, ông Trương Kim Tr, ông Trương Văn Kh, bà Trương Thị Ánh H, ông Trương Văn Đ, ông Trương Văn Th. Phần bà H được hưởng từ ông Pheo sẽ được chia cho 13 người có tên trên.

Như vậy, các thừa kế của ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B được hưởng:

- Ông Nguyễn Văn S (thừa kế là ông Nguyễn Tuấn K, ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á) sẽ nhận: 3/24 (thừa kế ông Trương Ph) + 5/24(thừa kế bà Nguyễn Thị B) + 5/24 (phần bà H được hưởng từ bà B chuyển sang) = 13/24.

Do ông Nguyễn Tuấn K có yêu cầu chia cụ thể phần thừa kế của ông Nguyễn Văn S nên phần ông Sáng là 13/24 sẽ được chia đều cho 05 người con của ông Sáng là ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á, ông Nguyễn Tuấn K.

- Ông Trương Văn T (thừa kế bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Rớt (chết năm 2014) và 08 người con là ông Trương Ngọc S, bà Trương Thị Hiếu N, bà Trương Thị L, ông Trương Kim Tr, ông Trương Văn Kh, bà Trương Thị Ánh H,

ông Trương Văn Đ, ông Trương Văn Th) sẽ nhận 3/24 (thừa kế ông Trương Ph) + 5/24 (thừa kế bà Nguyễn Thị B) = 8/24.

- 13 người: ông Nguyễn Tuấn K, ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á, ông Trương Ngọc S, bà Trương Thị Hiếu N, bà Trương Thị L, ông Trương Kim Tr, ông Trương Văn Kh, bà Trương Thị Ánh H, ông Trương Văn Đ và ông Trương Văn Th, mỗi người nhận được 1/13 phần thừa kế bà H nhận được từ ông Trương Ph.

Do ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch đang sử dụng nhà nên ưu tiên cho ba ông được nhận nhà và chịu trách nhiệm hoàn trả giá trị cho các thừa kế khác. Ghi nhận các thừa kế đồng ý cho ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu Ch thanh toán tiền trong thời hạn 06 tháng. Nếu quá thời hạn nêu trên mà ông N, ông Ngọc, ông Châu không thực hiện nghĩa vụ thì các thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án đấu giá căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để chia giá trị quyền sử dụng đất. Sau khi trừ 90.990.900 đồng giá trị nhà cho ông N, ông Ngọc, ông Châu và các chi phí liên quan đến việc đấu giá nhà (hoặc bán nhà)

Trong vụ án này, các thừa kế của ông Trương Văn T không có tranh chấp với nhau về di sản thừa kế và hàng thừa kế. Nếu sau này có tranh chấp, sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng kháng cáo cho rằng đây không phải tài sản của ông Trương Ph nhưng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do ông Nguyễn Hữu Ng là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng.

Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn K.

Xác định căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B và phân chia giá trị quyền sử dụng đất là di sản của ông Trương Ph và bà Nguyễn Thị B như sau:

- Ông Nguyễn Văn S (chết năm 1999, có vợ là bà Nguyễn Thị S chết năm 1970 và 05 người con là ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á, ông Nguyễn Tuấn K) nhận 13/24 kỷ phần. Trong đó, phần của ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu



Ch, bà Nguyễn Thị Hồng Á, ông Nguyễn Tuấn K mỗi người được nhận 1/5 kỷ phần của ông Sáng và 1/13 kỷ phần của bà Trương Kim H (nhận từ ông Trương Ph).

- Ông Trương Văn T (chết năm 1983, có vợ là bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Rót (chết năm 2014) và 08 người con là ông Trương Ngọc S, bà Trương Thị Hiếu N, bà Trương Thị L, ông Trương Kim Tr, ông Trương Văn Kh, bà Trương Thị Ánh H, ông Trương Văn Đ, ông Trương Văn Th) nhận 8/24 kỷ phần và 8/13 kỷ phần của bà Trương Kim H (nhận từ ông Trương Ph).

Ghi nhận các thừa kế đồng ý cho ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch thanh toán tiền trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu quá thời hạn nêu trên mà ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch không thực hiện nghĩa vụ thì các thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án đấu giá căn nhà số 498 Hồng B, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để chia giá trị quyền sử dụng đất. Sau khi trừ 90.990.900 đồng giá trị nhà cho ông Nguyễn Hữu Ng, ông Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Hữu Ch và các chi phí liên quan đến việc đấu giá nhà (hoặc bán nhà), giá trị thực mãi còn lại được chia cho các thừa kế theo tỷ lệ nêu trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế không yêu cầu chia giá trị nhà.

Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế không yêu cầu chi phí mai táng, công sức đóng góp.

Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí đo vẽ, định giá và đã thực hiện xong.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

II. Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ng được miễn án phí, được hoàn lại 200.000 đồng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09901 ngày 14/01/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Đường sự (18)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 28b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Huyền Vân**